



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen  
và các công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ  
cho kỳ sáu tháng kết thúc  
ngày 31 tháng 3 năm 2021**



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**  
**Thông tin về Công ty**

**Giấy Chứng nhận** 3700381324 ngày 8 tháng 8 năm 2001  
**Đăng ký Doanh nghiệp**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 3700381324 ngày 12 tháng 6 năm 2020. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Dương cấp.

<b>Hội đồng Quản trị</b>	Ông Lê Phước Vũ Ông Trần Ngọc Chu Ông Trần Quốc Trí Ông Lý Văn Xuân Ông Nguyễn Văn Luân Ông Đinh Viết Duy	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
<b>Ban Tổng Giám đốc</b>	Ông Trần Quốc Trí Ông Hoàng Đức Huy Ông Vũ Văn Thanh Ông Hồ Thanh Hiếu Ông Trần Quốc Phẩm Ông Nguyễn Ngọc Huy Ông Trần Thành Nam Ông Nguyễn Tấn Hòa	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Quyền Phó Tổng Giám đốc Quyền Phó Tổng Giám đốc
<b>Người đại diện theo pháp luật</b>	Ông Lê Phước Vũ Ông Trần Ngọc Chu Ông Trần Quốc Trí	Chủ tịch Hội đồng Quản trị Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Giám đốc
<b>Trụ sở đăng ký</b>	Số 9, Đại lộ Thống Nhất, Khu Công nghiệp Sóng Thần II, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương Việt Nam	
<b>Công ty kiểm toán</b>	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

## **Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen** **Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”) cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 60 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty tin rằng Tập đoàn sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

  
Thay mặt Ban Tổng Giám đốc  
**TRẦN QUỐC TRÍ**  
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 5 năm 2021



KPMG Limited Branch  
10<sup>th</sup> Floor, Sun Wah Tower  
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward  
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam  
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

### **Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 17 tháng 5 năm 2021, được trình bày từ trang 5 đến trang 60.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về Hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

### Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 21-01-00192-21-2



Nelson Rodriguez Casihan  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 2225-2018-007-1  
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị  
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề  
Kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 5 năm 2021

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2021**

Mẫu B 01a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>13.797.002.912.377</b>	<b>9.022.315.330.402</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>7</b>	<b>714.861.175.002</b>	<b>574.767.066.704</b>
Tiền	111		676.196.101.620	546.734.145.565
Các khoản tương đương tiền	112		38.665.073.382	28.032.921.139
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>8.501.781.836</b>	<b>516.043.836</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	8(a)	8.501.781.836	516.043.836
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>2.988.496.402.055</b>	<b>2.024.273.013.463</b>
Phải thu của khách hàng	131	9(a)	2.718.176.469.532	1.778.136.480.894
Trả trước cho người bán	132	10	111.693.904.186	100.085.092.644
Phải thu ngắn hạn khác	136	11(a)	184.166.084.344	171.749.127.453
Dự phòng phải thu khó đòi	137	9(c)	(25.540.056.007)	(25.697.687.528)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>12</b>	<b>9.065.354.198.240</b>	<b>5.523.844.442.201</b>
Hàng tồn kho	141		9.131.379.585.387	5.568.878.411.270
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(66.025.387.147)	(45.033.969.069)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.019.789.355.244</b>	<b>898.914.764.198</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	17(a)	142.840.624.905	141.636.982.795
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		875.885.901.844	757.274.781.403
Thuế phải thu Nhà nước	153	21(b)	1.062.828.495	3.000.000

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 01a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	<b>200</b>		<b>8.236.024.962.318</b>	<b>8.734.092.334.529</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>168.320.229.000</b>	<b>184.949.529.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216	11(b)	168.320.229.000	184.949.529.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>7.150.474.226.096</b>	<b>7.594.742.677.985</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	13	6.936.287.020.467	7.262.428.277.688
Nguyên giá	222		13.597.784.530.795	13.329.437.933.511
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(6.661.497.510.328)	(6.067.009.655.823)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	14	-	112.152.264.648
Nguyên giá	225		-	130.467.379.881
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(18.315.115.233)
Tài sản cố định vô hình	227	15	214.187.205.629	220.162.135.649
Nguyên giá	228		283.098.677.599	283.098.677.599
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(68.911.471.970)	(62.936.541.950)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>552.621.542.376</b>	<b>575.955.787.725</b>
Xây dựng cơ bản dở dang	242	16	552.621.542.376	575.955.787.725
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>21.472.160.000</b>	<b>26.472.160.000</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	8(a)	21.472.160.000	26.472.160.000
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>343.136.804.846</b>	<b>351.972.179.819</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	17(b)	233.939.601.111	272.734.770.282
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	18	109.197.203.735	79.237.409.537
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>22.033.027.874.695</b>	<b>17.756.407.664.931</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>13.888.142.839.826</b>	<b>11.165.669.153.608</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>12.084.004.707.670</b>	<b>8.991.488.795.259</b>
Phải trả người bán	311	19	4.964.312.226.185	1.454.938.948.232
Người mua trả tiền trước	312	20	407.479.273.679	208.728.376.787
Thuế phải nộp Nhà nước	313	21(a)	269.798.299.662	271.827.347.796
Phải trả người lao động	314		75.398.836.922	75.605.377.314
Chi phí phải trả	315	22	194.336.298.441	480.647.139.892
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	1.123.596.205.041	433.234.264.391
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	24(a)	4.963.525.990.444	6.023.444.645.186
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	25	85.557.577.296	43.062.695.661
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>1.804.138.132.156</b>	<b>2.174.180.358.349</b>
Phải trả dài hạn khác	337		709.500.000	709.500.000
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	24(b)	1.789.662.118.340	2.162.915.544.533
Dự phòng phải trả dài hạn	342	26	13.766.513.816	10.555.313.816
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>8.144.885.034.869</b>	<b>6.590.738.511.323</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>27</b>	<b>8.144.885.034.869</b>	<b>6.590.738.511.323</b>
Vốn cổ phần	411	28	4.446.252.130.000	4.446.252.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		4.446.252.130.000	4.446.252.130.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		151.583.183.521	151.583.183.521
Cổ phiếu quỹ	415		(3.271.000.000)	(3.271.000.000)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		30.218.596.725	35.535.781.824
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.499.030.572.027	1.954.018.045.161
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.828.407.993.863	800.689.731.226
- LNST chưa phân phối trong kỳ	421b		1.670.622.578.164	1.153.328.313.935
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		21.071.552.596	6.620.370.817
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>22.033.027.874.695</b>	<b>17.756.407.664.931</b>

Ngày 17 tháng 5 năm 2021

Người lập

  
 Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
 Kế toán

Người duyệt

  
 Nguyễn Thị Ngọc Lan  
 Kế toán trưởng

  
 Trần Quốc Trí  
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã Số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	30	20.028.958.844.684	12.375.686.887.373
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	30	83.378.875.717	20.877.787.865
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>	<b>30</b>	<b>19.945.579.968.967</b>	<b>12.354.809.099.508</b>
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	31	16.492.762.697.265	10.324.964.002.783
<b>Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>3.452.817.271.702</b>	<b>2.029.845.096.725</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	32	78.929.936.475	31.941.034.336
Chi phí tài chính	22	33	239.797.898.145	383.065.115.997
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		168.923.926.578	309.650.318.735
Chi phí bán hàng	25	34	1.242.991.877.075	971.248.613.454
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	35	174.686.778.903	260.190.475.526
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}</b>	<b>30</b>		<b>1.874.270.654.054</b>	<b>447.281.926.084</b>
Thu nhập khác	31	36	10.631.326.599	14.121.376.402
Chi phí khác	32	37	3.593.386.989	9.552.074.686
<b>Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>7.037.939.610</b>	<b>4.569.301.716</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>1.881.308.593.664</b>	<b>451.851.227.800</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	39	240.658.065.865	99.753.258.668
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	39	(29.959.794.198)	(30.868.699.712)
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)</b> (mang sang trang sau)	<b>60</b>		<b>1.670.610.321.997</b>	<b>382.966.668.844</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

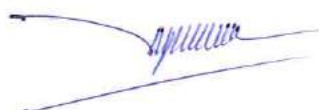
**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 02a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
<b>Lợi nhuận sau thuế TNDN</b> <b>(60 = 50 - 51 - 52)</b> <b>(mang từ trang trước sang)</b>	60		1.670.610.321.997	382.966.668.844
<b>Trong đó:</b>				
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		1.670.622.578.164	382.966.975.409
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(12.256.167)	(306.565)
<b>Lãi trên cổ phiếu</b>				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	40	3.610	827

Ngày 17 tháng 5 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp)**

**Mẫu B 03a – DN/HN**

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1.881.308.593.664</b>	<b>451.851.227.800</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		598.025.508.111	616.012.527.645
Các khoản dự phòng	03		24.044.986.557	29.237.721.325
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(3.866.669.833)	23.890.883.215
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(1.325.911.873)	(720.222.549)
Xóa sổ xây dựng cơ bản dở dang	05		-	14.727.480.716
Chi phí lãi vay	06		168.923.926.578	309.650.318.735
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>2.667.110.433.204</b>	<b>1.444.649.936.887</b>
Biến động các khoản phải thu	09		(1.051.503.735.717)	225.289.489.858
Biến động hàng tồn kho	10		(3.562.501.174.117)	(487.091.217.909)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		4.064.251.318.957	536.730.990.337
Biến động chi phí trả trước	12		39.232.610.051	26.702.172.808
			<b>2.156.589.452.378</b>	<b>1.746.281.371.981</b>
Tiền lãi vay đã trả	14		(168.057.989.433)	(309.258.358.875)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(216.920.588.286)	(44.851.461.278)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(49.298.354.762)	(8.437.081.256)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>1.722.312.519.897</b>	<b>1.383.734.470.572</b>

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)**

Mẫu B 03a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(160.211.949.114)	(246.006.459.702)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22		2.053.796.057	2.796.950.691
Tiền chi tiền gửi có kỳ hạn	23		(7.985.738.000)	(5.516.043.836)
Tiền chi cho vay	23		(14.446.000.000)	-
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn và các công cụ vốn khác	24		5.000.000.000	75.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi và lãi các khoản đầu tư tài chính	27		2.438.700.062	3.695.499.899
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(173.151.190.995)</b>	<b>(169.530.052.948)</b>

**LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Tiền mua lại cổ phiếu đã phát hành	32		-	(262.000.000)
Tiền thu từ nhận góp vốn vào công ty con từ cổ đông không kiểm soát	32		14.446.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		15.845.477.555.616	9.621.415.662.780
Tiền trả nợ gốc vay	34		(17.228.879.370.313)	(10.720.867.296.535)
Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(60.381.309.809)	(31.246.022.101)
Tiền trả cổ tức	36		(170.543.600)	(22.299.100)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(1.429.507.668.106)</b>	<b>(1.130.981.954.956)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>		<b>119.653.660.796</b>	<b>83.222.462.668</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>574.767.066.704</b>	<b>288.707.713.172</b>
<b>Ảnh hưởng của chênh lệch tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>		<b>20.440.447.502</b>	<b>7.945.421.223</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)</b>	<b>70</b>	<b>7</b>	<b>714.861.175.002</b>	<b>379.875.597.063</b>

Ngày 17 tháng 5 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí  
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

**1. Đơn vị báo cáo**

**(a) Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là “HSG” theo Quyết định Niêm yết số 117/QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 11 năm 2008.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 bao gồm Công ty và các công ty con (được gọi chung là “Tập đoàn”).

**(b) Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn, và mạ các loại hợp kim khác; sản xuất xà gỗ thép, xà gỗ mạ kẽm; sản xuất ống thép đen, ống thép mạ kẽm, ống thép mạ các loại hợp kim khác; sản xuất lưới thép mạ, dây thép mạ kẽm, dây thép các loại; mua bán vật liệu xây dựng, tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng; dịch vụ cho thuê kho và vận tải hàng hóa; xây dựng công nghiệp và dân dụng; sản xuất thép cán nguội dạng cuộn và cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác.

**(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn nằm trong phạm vi 12 tháng.

**(d) Cấu trúc Tập đoàn**

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, Tập đoàn có 10 công ty con, 1 công ty liên kết (1/10/2020: 10 công ty con, 1 công ty liên kết), chi tiết như sau:

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tên công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	
		31/3/2021	1/10/2020
<b>Công ty con</b>			
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An	Sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng kim loại và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm tấm lợp kim loại.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Tôn Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép cán nguội.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ	Sản xuất các sản phẩm thép dùng cho vật liệu xây dựng và tiêu dùng.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định	Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng bằng nhựa và các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty Cổ phần Hoa Sen Yên Bái	Kinh doanh khách sạn, dịch vụ ăn uống và khu trung tâm thương mại.	95%	95%
▪ Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái	Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm ống thép.	100%	100%
▪ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Khu Công nghiệp Hoa Sen Du Long (*)	Đầu tư, xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp.	95%	95%
<b>Công ty liên kết</b>			
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (**)	Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến vận tải.	49%	49%

(\*) Vào ngày 31 tháng 3 năm 2021, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen đã quyết định chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ Tầng Khu công nghiệp Hoa Sen Du Long. Việc chuyển nhượng đã hoàn tất vào ngày 2 tháng 4 năm 2021.

(\*\*) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, Tập đoàn chưa góp vốn vào công ty này. Công ty này đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, Tập đoàn có 7.736 nhân viên (1/10/2020: 7.209 nhân viên).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**2. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 10 đến ngày 30 tháng 9 năm sau. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

**(a) Cơ sở hợp nhất**

**(i) Công ty con**

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

**(iii) Công ty liên kết**

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể. Khi phần lỗ của đơn vị nhận đầu tư mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

**(iv) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

**(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(c) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(d) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và trái phiếu ngân hàng. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(f) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho, trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(g) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	2 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm
▪ tài sản khác	3 – 8 năm

**(h) Tài sản cố định vô hình**

**(i) Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất gồm:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn sử dụng là từ 14 đến 55 năm. Quyền sử dụng đất không có thời hạn không được trích khấu hao.

**(ii) Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 đến 6 năm.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(i) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và mua máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Tập đoàn không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(j) Chi phí trả trước dài hạn**

**(i) Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(ii) Chi phí san lấp mặt bằng**

Chi phí san lấp mặt bằng bao gồm tiền chi ra cho việc san lấp mặt bằng tiền xây dựng được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 49 năm 8 tháng.

**(iii) Chi phí thuê**

Chi phí thuê bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian của hợp đồng thuê từ 2 đến 3 năm.

**(iv) Bảng hiệu quảng cáo**

Bảng hiệu quảng cáo được ghi nhận theo nguyên giá và phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(v) Chi phí sửa chữa**

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phản ánh chi phí sửa chữa và thay thế máy móc, thiết bị và các tài sản cố định khác nhưng không thỏa mãn điều kiện vốn hóa vào giá trị tài sản cố định. Chi phí sửa chữa được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(k) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con, công ty liên kết và liên doanh. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng tối đa 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh khi mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

Đối với các khoản đầu tư được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại được bao gồm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư và không được khấu hao.

**(l) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

**(m) Dự phòng**

Một khoản dự phòng trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các thuyết minh khác được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu đồng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Tập đoàn và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(n) Vốn cổ phần**

**(i) Cổ phiếu phổ thông**

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(ii) Thặng dư vốn cổ phần**

Khi nhận được tiền mua cổ phiếu từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu. Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

**(iii) Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ)**

Khi mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu. Khi cổ phiếu quỹ được bán ra (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản tiền nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được trình bày trong thặng dư vốn cổ phần.

**(o) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(p) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo giá trị thuần sau khi đã trừ đi các khoản chiết khấu giảm giá trên hóa đơn bán hàng.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**(iii) Thu nhập lãi tiền gửi**

Thu nhập lãi tiền gửi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(q) Thuê tài sản**

**(i) Tài sản thuê**

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

**(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(r) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(s) Lãi trên cổ phiếu**

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Tập đoàn không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, quy định về trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

**(t) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(u) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

**(v) Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong kỳ trước.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh**

Tập đoàn hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tấm lợp bằng thép mạ kẽm, hợp kim nhôm kẽm, mạ kẽm phủ sơn và các sản phẩm liên quan; Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng lĩnh vực hoạt động này thường không bị ảnh hưởng đáng kể bởi tính thời vụ.

**5. Các thay đổi trong ước tính kế toán**

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

**6. Báo cáo bộ phận**

**(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh**

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là mua bán tấm lợp bằng thép, ống thép, vật liệu xây dựng. Hoạt động khác là cho thuê tài sản và cung cấp dịch vụ. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Tập đoàn, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 và ngày 1 tháng 10 năm 2020 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 và ngày 31 tháng 3 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Bộ phận chia theo khu vực địa lý**

Bộ phận chia theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa vào vị trí địa lý của khách hàng như sau:

	<b>Bộ phận chia theo khu vực địa lý</b>		
	<b>Trong nước VND</b>	<b>Nước ngoài VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>			
<b>ngày 31 tháng 3 năm 2021</b>			
Doanh thu	9.867.401.377.828	10.078.178.591.139	19.945.579.968.967
Giá vốn	(7.220.922.133.279)	(9.271.840.563.986)	(16.492.762.697.265)
	<b>2.646.479.244.549</b>	<b>806.338.027.153</b>	<b>3.452.817.271.702</b>
<b>Kỳ sáu tháng kết thúc</b>			
<b>ngày 31 tháng 3 năm 2020</b>			
Doanh thu	8.345.397.551.725	4.009.411.547.783	12.354.809.099.508
Giá vốn	(6.484.015.226.703)	(3.840.948.776.080)	(10.324.964.002.783)
	<b>1.861.382.325.022</b>	<b>168.462.771.703</b>	<b>2.029.845.096.725</b>

**7. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>31/3/2021 VND</b>	<b>1/10/2020 VND</b>
Tiền mặt	13.660.619.450	38.446.527.451
Tiền gửi ngân hàng	661.993.659.672	508.279.639.554
Tiền đang chuyển	541.822.498	7.978.560
Các khoản tương đương tiền (*)	38.665.073.382	28.032.921.139
	<b>714.861.175.002</b>	<b>574.767.066.704</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và hường lãi suất năm từ 2,8% đến 4,0% (1/10/2020: 3,0% đến 4,8%).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**8. Các khoản đầu tư tài chính**

**(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

**(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn**

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi và dưới 12 tháng kể từ ngày cuối kỳ. Tiền gửi có kỳ hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất năm từ 3,7% đến 6,3% (1/10/2020: 3,0% đến 4,8%).

**(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn**

	<b>31/3/2021</b>	<b>1/10/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Công thương Việt Nam phát hành (*)	16.000.000.000	16.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Agribank phát hành (**)	1.000.000.000	1.000.000.000
Trái phiếu do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam phát hành (***)	-	5.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương (****)	4.472.160.000	4.472.160.000
	<b>21.472.160.000</b>	<b>26.472.160.000</b>

(\*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 10 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2% (1/10/2020: lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2%).

(\*\*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 7 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2% (1/10/2020: lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,2%).

(\*\*\*) Trái phiếu có kỳ hạn gốc là 6 năm, phát hành bằng VND và hưởng lãi suất thả nổi cộng biên độ năm là 1,25% tại ngày 1 tháng 10 năm 2020.

(\*\*\*\*) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng kể từ ngày kết thúc niên độ tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương, và hưởng lãi suất tiền gửi là 5,5%/năm. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, toàn bộ khoản tiền gửi này được sử dụng để đảm bảo cho hợp đồng cấp bảo lãnh của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Khu Công nghiệp Bình Dương.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(b) Đầu tư tài chính dài hạn**

	31/3/2021		1/10/2020	
	% vốn chủ sở hữu/quyền biểu quyết	Hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
<b>Đầu tư vào các công ty liên kết</b>				
▪ Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen (**)	49%	-	-	-
		-	-	-

(\*\*) Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 3502399898 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu cấp ngày 5 tháng 7 năm 2019, theo đó Tập đoàn nắm giữ 49% quyền sở hữu. Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Cảng Quốc tế Hoa Sen.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**9. Phải thu của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn**

	<b>31/3/2021</b>	<b>1/10/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Duferco SA	367.455.264.171	2.486.767.208
Công ty TNHH Tập Đoàn Đầu Tư Hoa Sen	317.512.838.315	34.749.020
Isi Steel Co., Ltd.	134.400.458.961	338.062.125.796
Các khách hàng khác	1.898.807.908.085	1.437.552.838.870
	<hr/>	
	2.718.176.469.532	1.778.136.480.894
	<hr/>	

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, phải thu khách hàng có giá trị ghi sổ là 570.000 triệu VND và phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu có giá trị 2.300.000 triệu VND (1/10/2020: 570.000 triệu VND phải thu và 2.300.000 triệu VND phải thu phát sinh từ bộ chứng từ thanh toán xuất khẩu) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24).

**(b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan**

	<b>31/3/2021</b>	<b>1/10/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	317.512.838.315	34.749.020
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	19.800.000	19.800.000
	<hr/>	

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả trong vòng là 45 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Nợ xấu và nợ khó đòi**

	31/3/2021			1/10/2020				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Nợ quá hạn</b>								
Công ty Cổ Phần Tư Vấn Thương Mại Xây Dựng Mê Kông	2 – 3 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-	2 – 3 năm	1.648.743.436	(1.648.743.436)	-
Công ty TNHH Hải Thủy	2 – 3 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-	Trên 1 năm	1.545.000.625	(1.545.000.625)	-
Công ty TNHH Thép Xây Dựng Hiệp Loan	1 – 3 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-	Trên 1 năm	1.243.508.106	(1.243.508.106)	-
Công ty TNHH Một Thành Viên Sàn Xuất Và Thương Mại Phúc Đức	1 – 2 năm	1.096.410.095	(1.096.410.095)	-	Trên 6 tháng	1.096.410.095	(1.096.410.095)	-
Doanh nghiệp tư nhân Hoàng Thái	Trên 1 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-	Trên 1 năm	1.023.359.294	(1.023.359.294)	-
Công ty Thương Mại, Dịch Vụ Và Xây Dựng Yên Mai (TNHH)	Trên 6 tháng	-	-	-	Trên 6 tháng	839.518.227	(839.518.227)	-
Công ty TNHH Thương Mại & Sàn Xuất Toàn Phát HN	1 – 2 năm	1.426.131.048	(1.426.131.048)	-	6 tháng – 1 năm	1.426.131.048	(1.426.131.048)	-
Các khách hàng khác		17.556.903.403	(17.556.903.403)	-		16.875.016.697	(16.875.016.697)	-
		<b>25.540.056.007</b>	<b>(25.540.056.007)</b>	<b>-</b>		<b>25.697.687.528</b>	<b>(25.697.687.528)</b>	<b>-</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày**  
**31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**10. Trả trước cho người bán**

	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
Công ty TNHH Posco Việt Nam	16.148.143.265	-
Xí Nghiệp Phân Phối Khí Thấp Áp Vũng Tàu	9.750.169.835	12.151.382.390
Chi Nhánh Công Ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên Tại Bình Dương	10.183.555	21.469.960.714
Công ty Cổ Phần Xây Dựng Kinex Việt Nam	-	14.348.431.632
Công ty TNHH Kim Ngươn	-	11.650.000.000
Các nhà cung cấp khác	85.785.407.531	40.465.317.908
	111.693.904.186	100.085.092.644

**11. Phải thu khác**

**(a) Phải thu ngắn hạn khác**

	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
Tạm ứng để mua đất	45.462.225.000	45.462.225.000
Tạm ứng cho người lao động	41.317.196.657	42.103.309.219
Phải thu từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	12.818.775.000	12.818.775.000
Bồi thường và giải phóng mặt bằng	20.000.000.000	20.000.000.000
Ký quỹ ngắn hạn và đặt cọc thuê mặt bằng	41.134.030.754	42.305.656.080
Phải thu cho vay từ bên liên quan	14.446.000.000	-
Phải thu khác	8.987.856.933	9.059.162.154
	184.166.084.344	171.749.127.453

**Phải thu ngắn hạn khác từ các bên liên quan**

	31/3/2021 VND	1/10/2020 VND
<b>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</b>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen (*)	10.187.600.000	2.059.900.000
<b>Nhân sự chủ chốt</b>		
Ông Hoàng Đức Huy - Phó Tổng Giám đốc (**)	45.462.225.000	45.462.225.000

(\*) Khoản phải thu từ các bên liên quan không có đảm bảo, chịu lãi suất 4% và được hoàn trả khi có yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(\*\*) Khoản phải thu phi thương mại từ bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

**(b) Phải thu dài hạn khác**

	<b>31/3/2021</b>	<b>1/10/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đặt cọc thuê mặt bằng	168.320.229.000	181.758.529.000
Phải thu khác	-	3.191.000.000
	168.320.229.000	184.949.529.000

**12. Hàng tồn kho**

	<b>31/3/2021</b>		<b>1/10/2020</b>	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	1.789.363.461.142	-	1.382.843.392.363	-
Nguyên vật liệu	3.651.041.943.214	(5.788.828.167)	1.130.658.074.684	(16.115.794.147)
Công cụ và dụng cụ	549.905.888.376	-	569.463.528.312	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.270.219.099	-	1.646.096.388	-
Thành phẩm	2.113.515.180.686	(41.055.995.906)	1.694.167.547.960	(24.672.838.046)
Hàng hóa	1.026.282.892.870	(19.180.563.074)	790.099.771.563	(4.245.336.876)
	9.131.379.585.387	(66.025.387.147)	5.568.878.411.270	(45.033.969.069)

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 4.286.443 triệu VND (1/10/2020: 2.800.786 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24).

Trong hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, có 193.552 triệu VND nguyên vật liệu, 376.177 triệu VND thành phẩm và 107.113 triệu VND hàng hóa (1/10/2020: 125.360 triệu VND nguyên vật liệu, 373.343 triệu VND thành phẩm và 67.954 triệu VND hàng hóa) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	45.033.969.069	51.851.107.911
Dự phòng trích lập trong kỳ	20.991.418.078	20.386.956.757
Số dư cuối kỳ	66.025.387.147	72.238.064.668



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	2.471.415.069.857	10.273.310.183.375	470.065.259.436	87.597.045.920	27.050.374.923	13.329.437.933.511
Tăng trong kỳ	124.900.000	17.836.284.595	1.511.835.758	-	-	19.473.020.353
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	64.976.301.652	70.171.079.973	617.648.049	-	-	135.765.029.674
Chuyển từ tài sản hữu hình thuê tài chính	-	120.808.224.881	9.560.000.000	-	-	130.368.224.881
Phân loại từ chi phí trả trước	-	956.506.224	-	-	-	956.506.224
Thanh lý	-	(12.374.571.518)	(2.818.712.500)	-	-	(15.193.284.018)
Xóa sổ	-	(3.751.984.047)	-	-	-	(3.751.984.047)
Tăng từ quyết toán khối lượng công trình	(48.956.033)	778.040.250	-	-	-	729.084.217
Số dư cuối kỳ	2.536.467.315.476	10.467.733.763.733	478.936.030.743	87.597.045.920	27.050.374.923	13.597.784.530.795
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư đầu kỳ	689.091.528.334	5.040.773.688.555	268.928.936.816	46.144.436.204	22.071.065.914	6.067.009.655.823
Khấu hao trong kỳ	63.256.476.709	491.418.325.233	27.540.819.729	5.501.502.245	298.048.522	588.015.172.438
Chuyển từ tài sản hữu hình thuê tài chính	-	19.988.653.492	2.312.317.061	-	-	22.300.970.553
Thanh lý	-	(10.299.432.303)	(2.127.056.923)	-	-	(12.426.489.226)
Xóa sổ	-	(3.401.799.260)	-	-	-	(3.401.799.260)
Số dư cuối kỳ	752.348.005.043	5.538.479.435.717	296.655.016.683	51.645.938.449	22.369.114.436	6.661.497.510.328
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư đầu kỳ	1.782.323.541.523	5.232.536.494.820	201.136.322.620	41.452.609.716	4.979.309.009	7.262.428.277.688
Số dư cuối kỳ	1.784.119.310.433	4.929.254.328.016	182.281.014.060	35.951.107.471	4.681.260.487	6.936.287.020.467

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 1.581.126 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 3 năm 2021 (1/10/2020: 1.166.403 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2021, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 6.813.241 triệu VND (1/10/2020: 6.185.137 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 24).

**14. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính**

	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu kỳ	120.907.379.881	9.560.000.000	130.467.379.881
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(120.808.224.881)	(9.560.000.000)	(130.368.224.881)
Xóa sổ	(99.155.000)	-	(99.155.000)
Số dư cuối kỳ	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	16.496.773.823	1.818.341.410	18.315.115.233
Khấu hao trong kỳ	3.541.430.002	493.975.651	4.035.405.653
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(19.988.653.492)	(2.312.317.061)	(22.300.970.553)
Xóa sổ	(49.550.333)	-	(49.550.333)
Số dư cuối kỳ	-	-	-
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư đầu kỳ	104.410.606.058	7.741.658.590	112.152.264.648
Số dư cuối kỳ	-	-	-



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Xây dựng cơ bản dở dang**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	575.955.787.725	576.452.872.180
Tăng trong kỳ	115.028.373.539	137.795.007.287
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(135.765.029.674)	(29.985.376.839)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(2.597.589.214)	(7.475.259.222)
Xóa sổ	-	(14.727.480.716)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>552.621.542.376</b>	<b>662.059.762.690</b>

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/3/2021	1/10/2020
	VND	VND
Máy móc, thiết bị chờ lắp đặt	20.113.433.312	67.957.814.979
Xây dựng nhà máy	101.724.003.359	110.723.594.232
Xây dựng dự án Hoa Sen Yên Bái	358.851.540.474	347.706.768.372
Giải phóng mặt bằng dự án Hoa Sen Hà Nam	38.794.072.000	38.794.072.000
Giải phóng mặt bằng dự án Hoa Sen Phú Mỹ	11.500.000.000	-
Sửa chữa lớn tài sản cố định	9.391.110.585	10.597.766.331
Khác	12.247.382.646	175.771.811
<b>Tổng cộng</b>	<b>552.621.542.376</b>	<b>575.955.787.725</b>

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang là 11.620 triệu VND (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31/3/2020: 10.126 triệu VND).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**17. Chi phí trả trước**

**(a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<b>31/3/2021</b>	<b>1/10/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê	71.232.766.004	59.399.652.052
Chi phí quảng cáo	12.533.232.018	24.829.641.795
Công cụ và dụng cụ	43.855.260.116	43.529.656.120
Phí bảo hiểm	1.548.879.769	1.585.945.970
Chi phí sửa chữa	6.042.620.539	5.140.546.849
Chi phí tư vấn	160.000.000	1.889.338.410
Chi phí khác	7.467.866.459	5.262.201.599
	<b>142.840.624.905</b>	<b>141.636.982.795</b>

**(b) Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/3/2021</b>	<b>1/10/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công cụ và dụng cụ	78.609.581.483	100.595.642.595
Chi phí san lấp mặt bằng	75.761.558.847	76.600.246.305
Chi phí thuê	51.592.736.976	52.465.115.643
Bảng hiệu quảng cáo	4.824.123.880	15.374.300.149
Chi phí sửa chữa	10.168.602.049	12.292.628.995
Chi phí khác	12.982.997.876	15.406.836.595
	<b>233.939.601.111</b>	<b>272.734.770.282</b>

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong kỳ như sau:

	<b>Kỳ sáu tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>31/3/2021</b>	<b>31/3/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ	272.734.770.282	365.534.127.666
Tăng trong kỳ	26.367.125.322	41.249.767.360
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(173.643.592)	(163.628.065)
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.597.589.214	7.475.259.222
Phân bổ trong kỳ	(65.536.604.736)	(102.332.725.528)
Thanh lý	(2.049.635.379)	-
	<b>233.939.601.111</b>	<b>311.762.800.655</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	<b>31/3/2021</b>	<b>1/10/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>		
▪ Lợi nhuận chưa thực hiện	57.307.848.855	39.216.457.247
▪ Chi phí phải trả	34.055.971.285	24.728.361.887
▪ Các khoản dự phòng	14.514.920.008	11.977.576.816
▪ Khác	3.318.463.587	3.315.013.587
	<b>109.197.203.735</b>	<b>79.237.409.537</b>

**19. Phải trả người bán**

**(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn**

	<b>31/3/2021</b>	<b>1/10/2020</b>
	<b>Giá gốc/Số có</b>	<b>Giá gốc/Số có</b>
	<b>khả năng trả nợ</b>	<b>khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Thép Kim Quốc	1.041.750.376.301	59.872.948.917
Cumic Steel Limited	623.916.029.995	-
Nippon Steel Trading Corporation	-	303.482.841.213
Công ty TNHH Gang Thép Hưng Nghiệp Formosa Hà Tĩnh	632.420.126.030	296.702.697.996
Các nhà cung cấp khác	2.666.225.693.859	794.880.460.106
	<b>4.964.312.226.185</b>	<b>1.454.938.948.232</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>31/3/2021</b>	<b>1/10/2020</b>
	<b>Giá gốc/Số có</b>	<b>Giá gốc/Số có</b>
	<b>khả năng trả nợ</b>	<b>khả năng trả nợ</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Tập đoàn</i>		
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen	1.061.339.996	7.018.375.408
Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An	6.874.785.177	2.449.892.438

Khoản phải trả thương mại đối với các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 45 ngày kể từ ngày hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Người mua trả tiền trước**

	<b>31/3/2021</b>	<b>1/10/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen – bên liên quan	94.104.178.272	279,918,415
Cascadia Metals Ltd	45.269.687.468	-
Aceros Y Overollings De Mexico S.A. De C.V.	229.800	18.179.700.000
Các khách hàng khác	268.105.178.139	190.268.758.372
	<hr/>	<hr/>
	<b>407.479.273.679</b>	<b>208.728.376.787</b>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**21. Thuế phải nộp và phải thu Nhà nước**

**(a) Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/10/2020 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã cân trừ VND	Phân loại VND	31/3/2021 VND
Thuế giá trị gia tăng	175.141.284.813	5.521.089.490.808	(873.594.130.534)	(4.669.749.923.921)	(924.629.777)	151.962.091.389
Thuế xuất nhập khẩu	456.189.132	3.103.486.628	(3.417.985.285)	-	-	141.690.475
Thuế thu nhập doanh nghiệp	93.273.828.511	240.658.065.865	(216.920.588.286)	-	-	117.011.306.090
Thuế thu nhập cá nhân	2.863.365.640	22.887.185.510	(26.026.417.841)	(104.738.416)	1.061.973.055	681.367.948
Thuế khác	92.679.700	1.963.934.229	(2.052.625.609)	-	(2.144.560)	1.843.760
	271.827.347.796	5.789.702.163.040	(1.122.011.747.555)	(4.669.854.662.337)	135.198.718	269.798.299.662

**(b) Thuế phải thu Nhà nước**

	1/10/2020 VND	Phân loại VND	31/3/2021 VND
Thuế thu nhập cá nhân	-	1.061.973.055	1.061.973.055
Thuế khác	3.000.000	(2.144.560)	855.440
	3.000.000	1.059.828.495	1.062.828.495



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**22. Chi phí phải trả**

	<b>31/3/2021</b>	<b>1/10/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lương và thưởng	133.920.741.109	442.569.291.620
Xây dựng cơ bản dở dang	6.055.779.739	10.787.448.808
Chi phí lãi vay	8.284.772.655	7.418.835.510
Chi phí dự phòng thuế	4.725.668.064	3.912.745.955
Chi phí tiền điện	301.843.806	380.529.874
Chi phí vận chuyển	28.773.293.097	219.189.613
Chi phí chứng thư bảo lãnh	8.891.934.514	7.997.581.818
Chi phí khác	3.382.265.457	7.361.516.694
	<b>194.336.298.441</b>	<b>480.647.139.892</b>

**23. Phải trả ngắn hạn khác**

	<b>31/3/2021</b>	<b>1/10/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài trợ nhập khẩu phải trả (*)	1.004.829.527.150	245.638.100.621
Chiết khấu bộ chứng từ xuất khẩu phải trả	54.331.305.000	142.966.821.833
Nhận ký quỹ ngắn hạn	38.353.861.661	23.105.461.713
Cổ tức phải trả	4.076.778.825	4.247.322.425
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp và kinh phí công đoàn	2.475.874.630	2.474.430.995
Phải trả khác	19.528.857.775	14.802.126.804
	<b>1.123.596.205.041</b>	<b>433.234.264.391</b>

(\*) Tài trợ nhập khẩu phải trả là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS L/C) cung cấp bởi Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Khu công nghiệp Bình Dương, Ngân Hàng TMCP Phát Triển TP. Hồ Chí Minh, Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi Nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi Nhánh Bến Thành và Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Nghệ An với kỳ hạn trả chậm là 90 ngày (1/10/2020: cung cấp bởi Ngân Hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi Nhánh TP. Hồ Chí Minh, Ngân Hàng TMCP Tiên Phong - Chi Nhánh Bến Thành và Ngân Hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi Nhánh Nghệ An với kỳ hạn trả chậm từ 90 đến 120 ngày). Nếu đến ngày đáo hạn, Tập đoàn không có đủ nguồn thanh toán, các khoản tiền này sẽ tự chuyển đổi thành khoản vay.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**24. Vay và nợ thuê tài chính**

**(a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	1/10/2020		Biến động trong kỳ		31/3/2021	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	5.266.057.103.675	15.845.477.555.616	(16.819.547.541.027)	10.611.043.571	4.302.598.161.835	
Vay dài hạn đến hạn trả (b)	724.728.971.847	334.300.000.000	(398.101.143.238)	-	660.927.828.609	
Nợ gốc thuê tài chính đến hạn trả trong vòng 12 tháng (c)	32.658.569.664	8.164.642.416	(40.823.212.080)	-	-	
	6.023.444.645.186	16.187.942.198.032	(17.258.471.896.345)	10.611.043.571	4.963.525.990.444	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

<b>Bên cho vay</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Loại tiền</b>	<b>31/3/2021 VND</b>	<b>1/10/2020 VND</b>
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	192.333.211.891	1.171.017.687.810
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	USD	1.200.138.973.406	531.104.907.733
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	100.000.000.000	947.943.944.130
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	USD	716.838.277.738	413.037.687.997
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	VND	259.372.999.518	472.377.287.783
▪ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	(iii)	USD	-	99.439.545.965
▪ Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	(iv)	VND	871.494.746.413	608.438.856.420
▪ Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	(v)	USD	25.244.400.000	213.385.900.000
▪ Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(vi)	VND	68.000.000.000	32.300.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vii)	VND	242.122.472.591	101.516.310.719
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(vii)	USD	14.116.090.344	57.085.000.000
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(viii)	VND	67.826.259.277	61.832.823.335
▪ Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	(ix)	VND	50.111.040.747	42.323.443.406
▪ Ngân hàng Malaysian Banking Berhad Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(ix)	USD	39.747.579.553	46.084.500.000
▪ Ngân hàng Malaysian Banking Berhad Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(x)	VND	-	145.844.804.159
▪ Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	(xi)	VND	75.440.180.000	-
▪ Ngân hàng Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	(xii)	VND	59.789.000.000	97.147.784.400
▪ Ngân Hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xii)	USD	135.690.642.871	-
▪ Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Trung Tâm	(xiii)	VND	-	50.000.000.000
▪ Ngân Hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xiv)	VND	124.320.327.587	19.942.608.592
▪ Ngân Hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	(xiv)	USD	60.011.959.899	155.234.011.226
			<b>4.302.598.161.835</b>	<b>5.266.057.103.675</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	Lãi suất		Tài sản đảm bảo
			31/3/2021	1/10/2020	
i. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	VND	3.000 tỷ VND	4,00%	4,50% - 4,90%	Quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phải thu của khách hàng
	USD		1,50% - 2,00%	1,85% - 2,00%	
ii. Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	VND	2.387 tỷ VND	4,00%	4,50% - 5,00%	Quyền sử dụng đất, máy móc và thiết bị và hàng tồn kho
	USD		1,30% - 1,50%	1,80% - 2,10%	
iii. Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 2	VND	1.500 tỷ VND	3,10%	4,20% - 4,50%	Máy móc và thiết bị và một phần công trình xây dựng trên đất của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An.
	USD		-	3,00%	
iv. Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	VND	40 triệu USD	2,50% - 3,20%	4,10% - 4,90%	Hàng tồn kho, máy móc và thiết bị, quyền sử dụng đất và công trình xây dựng trên đất và một số tài sản cố định của Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định.
v. Ngân hàng TMCP Phát triển TP. Hồ Chí Minh	USD	800 tỷ VND	1,90%	1,80%	Không có tài sản đảm bảo
vi. Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	6 triệu USD	3,20%	5,00%	Không có tài sản đảm bảo
vii. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND	12 triệu USD	3,00%	4,00% - 4,20%	Hàng tồn kho
	USD		1,60%	1,64%	
viii. Ngân hàng TNHH MTV UOB Việt Nam	VND	3 triệu USD	3,00%	4,00% - 4,50%	Hàng tồn kho
ix. Ngân hàng Malayan Banking Berhad - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND	4 triệu USD	3,00%	4,10% - 4,70%	Hàng tồn kho
	USD		1,40%	1,80%	



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Bên cho vay	Loại tiền	Hạn mức	31/3/2021	Lãi suất	1/10/2020	Tài sản đảm bảo
x. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An	VND	800 tỷ VND		- 3,20%	- 4,50%	Hàng tồn kho
xi. Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	VND	250 tỷ VND	3,10%	- 4,00%		- Hàng tồn kho
xii. Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	195 tỷ VND		4,00%	4,50%	Không có tài sản đảm bảo
xiii. Ngân Hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Trung Tâm	VND	1.000 tỷ VND		-	5,00%	Quyền sử dụng đất và phải thu của khách hàng
xiv. Ngân Hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	VND USD	15 triệu USD		3,20% - 3,50%	3,80% - 4,00%	Không có tài sản đảm bảo
				1,40% - 1,45%	1,80% - 1,85%	

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	<b>31/3/2021</b>	<b>1/10/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vay dài hạn	2.450.589.946.949	2.859.921.776.235
Nợ thuê tài chính dài hạn (c)	-	60.381.309.809
	<hr/>	<hr/>
	2.450.589.946.949	2.920.303.086.044
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(660.927.828.609)	(757.387.541.511)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.789.662.118.340	2.162.915.544.533
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/3/2021	1/10/2020
				VND	VND
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh KCN Bình Dương	(i)	VND	2021 – 2026	1.842.447.033.124	2.102.282.791.370
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nam Bình Dương	(ii)	VND	2022 – 2023	229.456.547.660	303.150.862.940
▪ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vũng Tàu	(iii)	VND	2024	239.250.669.442	291.633.669.442
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái	(iv)	VND	2025 – 2026	124.343.626.357	132.670.311.741
▪ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Bà Rịa Vũng Tàu	(v)	VND	2021	15.092.070.366	30.184.140.742
				2.450.589.946.949	2.859.921.776.235

- (i) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 7,6% (1/10/2020: từ 8,0 đến 9,0%).
- (ii) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải và hàng tồn kho và chịu lãi suất năm từ 7,38% đến 8,5% (1/10/2020: từ 7,5% đến 8,7%).
- (iii) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa, vật kiến trúc và máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 7,775% (1/10/2020: từ 8,2% đến 9,1%).
- (iv) Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị và phương tiện vận tải và chịu lãi suất năm từ 8,6% đến 9,8% (1/10/2020: từ 8,2% đến 9,8%).
- (v) Khoản vay này được đảm bảo bằng nhà cửa, vật kiến trúc; máy móc và thiết bị và chịu lãi suất năm là 7,6% (1/10/2020: 8,0%).

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(c) Các khoản nợ thuế tài chính**

Các khoản tiền thuế tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuế tài chính không thể hủy ngang như sau:

	31/3/2021		1/10/2020	
	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND	Tổng khoản thanh toán tiền thuế tài chính VND	Tiền lãi thuế VND
Trong vòng một năm	-	-	36.840.545.897	4.181.976.233
Từ hai đến năm năm	-	-	28.935.494.777	1.212.754.632
	-	-	65.776.040.674	5.394.730.865
				Nợ gốc VND
				32.658.569.664
				27.722.740.145
				60.381.309.809





**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**25. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	43.062.695.661	44.902.799.431
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (Thuyết minh 27)	46.120.560.692	3.613.521.330
Sử dụng quỹ trong kỳ	(3.625.679.057)	(1.753.525.100)
Số dư cuối kỳ	85.557.577.296	46.762.795.661

**26. Dự phòng phải trả dài hạn**

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	10.555.313.816	2.896.254.250
Trích lập dự phòng trong kỳ	3.211.200.000	334.216.610
Số dư cuối kỳ	13.766.513.816	3.230.470.860

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**27. Thay đổi vốn chủ sở hữu**

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày</b>							
<b>1 tháng 10 năm 2019</b>	4.234.694.890.000	151.583.183.521	(2.459.000.000)	55.626.670.135	1.021.280.774.551	7.554.667.443	5.468.281.185.650
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	382.966.975.409	(306.565)	382.966.668.844
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(262.000.000)	-	-	-	(262.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.613.521.330)	-	(3.613.521.330)
Phân bổ vào quỹ (*)	-	-	-	5.420.281.995	(5.420.281.995)	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(6.683.556.156)	-	-	(6.683.556.156)
Tăng khác	-	-	-	-	132.604.000	-	132.604.000
<b>Số dư tại ngày</b>							
<b>31 tháng 3 năm 2020</b>	4.234.694.890.000	151.583.183.521	(2.721.000.000)	54.363.395.974	1.395.346.550.635	7.554.360.878	5.840.821.381.008
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	770.361.338.526	(313.990.061)	770.047.348.465
Cổ phiếu phát hành để trả cổ túc	211.557.240.000	-	-	-	(211.557.240.000)	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(550.000.000)	-	-	-	(550.000.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(18.827.614.150)	-	-	(18.827.614.150)
Giảm do giải thể công ty con	-	-	-	-	-	(620.000.000)	(620.000.000)
Giảm khác	-	-	-	(132.604.000)	-	-	(132.604.000)
<b>Số dư tại ngày</b>							
<b>30 tháng 9 năm 2020</b>	4.446.252.130.000	151.583.183.521	(3.271.000.000)	35.535.781.824	1.954.018.045.161	6.620.370.817	6.590.738.511.323

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày</b>							
<b>1 tháng 10 năm 2020</b>	4.446.252.130.000	151.583.183.521	(3.271.000.000)	1.954.018.045.161	6.620.370.817	6.590.738.511.323	
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	1.670.622.578.164	(12.256.167)	1.670.610.321.997
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(46.120.560.692)	-	(46.120.560.692)
Phân bổ vào quỹ (*)	-	-	-	40.355.490.606	(40.355.490.606)	-	-
Sử dụng các quỹ	-	-	-	(45.672.675.705)	-	-	(45.672.675.705)
Trích thưởng hoàn thành vượt kế hoạch sản xuất kinh doanh (**)	-	-	-	-	(39.134.000.000)	-	(39.134.000.000)
Vốn góp vào công ty con	-	-	-	-	-	14.446.000.000	14.446.000.000
Tăng khác	-	-	-	-	-	17.437.946	17.437.946
<b>Số dư tại ngày</b>							
<b>31 tháng 3 năm 2021</b>	4.446.252.130.000	151.583.183.521	(3.271.000.000)	30.218.596.725	3.499.030.572.027	21.071.552.596	8.144.885.034.869

(\*) Theo Nghị Quyết của Hội đồng Quản trị vào ngày 1 tháng 10 năm 2020, Công ty đã trích lập 3,5% từ lợi nhuận thuần sau thuế vào Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu nhằm mục đích bổ sung thù lao, chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị và bổ sung quỹ tài trợ, từ thiện (kỳ 6 tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020: 1,5%).

(\*\*) Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị vào ngày 27 tháng 1 năm 2021, Công ty đã quyết định trích 3,4% từ lợi nhuận sau thuế để chi thường hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh niên độ tài chính 2019 – 2020 cho Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và các Ban thuộc Hội đồng Quản trị.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**28. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	31/3/2021		1/10/2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyet và đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	444.625.213	4.446.252.130.000	444.625.213	4.446.252.130.000
<b>Cổ phiếu quỹ</b>				
Cổ phiếu phổ thông	327.100	3.271.000.000	327.100	3.271.000.000
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	444.298.113	4.442.981.130.000	444.298.113	4.442.981.130.000

Tất cả các cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động của vốn cổ phần trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày			
	31/3/2021		31/3/2020	
	Số lượng cổ phiếu	VND	Số lượng cổ phiếu	VND
Số dư đầu kỳ	444.298.113	4.442.981.130.000	423.223.589	4.232.235.890.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong kỳ	-	-	(26.200)	(262.000.000)
Số dư cuối kỳ	444.298.113	4.442.981.130.000	423.197.389	4.231.973.890.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**29. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**

**(a) Tài sản thuê ngoài**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>31/3/2021</b>	<b>1/10/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	175.814.889.338	181.023.716.815
Từ hai đến năm năm	684.540.486.207	691.146.037.199
Trên năm năm	740.883.398.650	770.536.718.044
	<hr/>	<hr/>
	1.601.238.774.195	1.642.706.472.058
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**(b) Ngoại tệ các loại**

	<b>31/3/2021</b>		<b>1/10/2020</b>	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	4.054.547	93.183.609.871	7.572.153	174.878.082.357
EUR	-	-	909	24.288.480
		<hr/>		<hr/>
		93.183.609.871		174.902.370.837
		<hr/> <hr/>		<hr/> <hr/>

**(c) Cam kết chi tiêu vốn**

Tại ngày báo cáo, Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt chủ yếu liên quan đến việc mua sắm các máy móc mới phục vụ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn:

	<b>31/3/2021</b>	<b>1/10/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	111.893.624.503	71.522.424.222
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**30. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	10.063.472.719.679	6.213.357.917.776
▪ Bán hàng hóa	9.957.262.518.747	6.145.483.128.399
▪ Doanh thu khác	8.223.606.258	16.845.841.198
	20.028.958.844.684	12.375.686.887.373
Trừ các khoản giảm trừ doanh thu		
▪ Chiết khấu thương mại	73.605.831.524	10.638.015.382
▪ Giảm giá hàng bán	761.444.844	2.891.114.462
▪ Hàng bán bị trả lại	9.011.599.349	7.348.658.021
	83.378.875.717	20.877.787.865
Doanh thu thuần	19.945.579.968.967	12.354.809.099.508

**31. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán của:		
▪ Thành phẩm đã bán	7.610.846.090.232	4.546.380.965.379
▪ Hàng hóa đã bán	8.859.391.170.530	5.755.824.034.725
▪ Giá vốn khác	1.534.018.425	2.372.045.922
▪ Trích lập dự phòng trong kỳ	20.991.418.078	20.386.956.757
	16.492.762.697.265	10.324.964.002.783

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**32. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi	833.700.062	2.491.749.899
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính	1.605.000.000	1.203.750.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	72.362.230.484	28.245.334.437
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	3.866.669.833	-
Doanh thu tài chính khác	262.336.096	200.000
	<b>78.929.936.475</b>	<b>31.941.034.336</b>

**33. Chi phí tài chính**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	168.923.926.578	309.650.318.735
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	70.502.771.450	48.950.260.216
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	23.890.883.215
Chi phí tài chính khác	371.200.117	573.653.831
	<b>239.797.898.145</b>	<b>383.065.115.997</b>

**34. Chi phí bán hàng**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Chi phí xuất khẩu	540.621.418.158	181.404.396.755
Chi phí nhân viên	223.550.181.869	352.559.005.220
Chi phí vận chuyển	150.262.283.925	105.438.860.623
Chi phí khấu hao và phân bổ	83.228.588.860	83.968.817.177
Chi phí thuê	78.913.647.326	81.074.982.805
Chi phí quảng cáo	37.504.730.921	39.487.245.678
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.698.233.623	33.255.494.510
Chi phí khác	95.212.792.393	94.059.810.686
	<b>1.242.991.877.075</b>	<b>971.248.613.454</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 09a – DN/HN  
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**35. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Chi phí nhân viên	50.856.537.608	105.892.803.132
Chi phí khấu hao và phân bổ	30.808.096.500	33.295.456.161
Chi phí thuê	13.740.027.291	12.344.648.758
Chi phí tiếp khách	10.004.327.596	7.617.588.639
Chi phí dịch vụ chuyên môn	5.133.040.999	4.289.690.911
Chi phí công tác	3.279.591.948	4.627.800.400
Chi phí xây dựng khu luyện cán thép	-	14.727.480.716
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.703.181.065	26.238.399.630
Chi phí quản lý khác	38.161.975.896	51.156.607.179
	<b>174.686.778.903</b>	<b>260.190.475.526</b>

**36. Thu nhập khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Tiền bồi thường thu được	6.779.546.665	1.330.953.726
Các khoản khác	3.851.779.934	12.790.422.676
	<b>10.631.326.599</b>	<b>14.121.376.402</b>

**37. Chi phí khác**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	1.112.788.189	2.975.277.350
Các khoản khác	2.480.598.800	6.576.797.336
	<b>3.593.386.989</b>	<b>9.552.074.686</b>

001  
 ANH  
 TN  
 IG  
 CHỈ



**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**38. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	16.020.121.761.972	9.952.791.286.229
Chi phí nhân công và nhân viên	407.151.669.967	589.406.684.249
Chi phí khấu hao và phân bổ	598.025.508.111	616.012.527.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.352.778.949.075	830.832.733.222
Chi phí khác	469.909.914.498	468.211.005.063

**39. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Kỳ hiện hành	239.173.259.749	99.753.258.668
Dự phòng thiếu năm trước	1.484.806.116	-
	<b>240.658.065.865</b>	<b>99.753.258.668</b>
<b>Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	(29.959.794.198)	(30.868.699.712)
	<b>210.698.271.667</b>	<b>68.884.558.956</b>

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021 VND	31/3/2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.881.308.593.664	451.851.227.800
Thuế theo thuế suất của Công ty	376.261.718.733	90.370.245.560
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(62.394.468.143)	(15.140.191.856)
Chi phí không được khấu trừ thuế	5.969.748.992	15.861.725.462
Ưu đãi thuế	(50.256.487.117)	(23.590.778.211)
Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp chưa được ghi nhận	49.024.668	6.400.080.009
Lỗi tính thuế được sử dụng	(5.905.889.699)	(5.016.522.008)
Dự phòng thiếu trong những năm trước	1.484.806.116	-
Sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời chưa được ghi nhận trước đây	(54.510.181.883)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	210.698.271.667	68.884.558.956

**(c) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản của Luật Thuế Thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất từ 10% đến 20% trên lợi nhuận tính thuế. Cụ thể như sau:

- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nghệ An và Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Nhơn Hội - Bình Định có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm kể từ khi các công ty con này phát sinh doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Các công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 9 năm tiếp theo.
- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Hà Nam có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 17% lợi nhuận tính thuế trong 10 năm kể từ năm 2016 và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

- Công ty TNHH Một Thành Viên Hoa Sen Phú Mỹ và Công ty TNHH Một Thành Viên Vật liệu Xây dựng Hoa Sen Yên Bái có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 17% trên lợi nhuận tính thuế trong 10 năm kể từ năm đầu tiên dự án đầu tư của Công ty có doanh thu và theo mức thuế suất thông thường trong những năm tiếp theo. Công ty con này được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế và được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp trong 4 năm tiếp theo.
- Các công ty con khác có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

**40. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho kỳ kế toán và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

*(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông*

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần trong kỳ	1.670.622.578.164	382.966.975.409
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(66.824.903.127)	(15.318.679.016)
	1.603.797.675.037	367.648.296.393

- (\*) Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi được tạm tính bằng 4% lợi nhuận thuần trong năm của Tập đoàn. Tỷ lệ này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt trong các năm trước.

*(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền*

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	Số cổ phiếu	Số cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu kỳ	444.298.113	423.223.589
Ảnh hưởng của mua lại cổ phiếu quỹ	-	(4.031)
Ảnh hưởng của việc chi trả cổ tức bằng cổ phiếu sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	21.155.724
	444.298.113	444.375.282

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC*  
*ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.610	827

**41. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan**

Ngoài số dư với các bên liên quan được trình bày trong các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, trong kỳ Tập đoàn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
<b>Công ty thuộc sở hữu của Chủ tịch Công ty</b>		
<b>Công ty TNHH Tập đoàn Đầu tư Hoa Sen</b>		
Bán hàng hóa và thành phẩm	1.792.202.001.459	1.540.534.771.474
Mua hàng hóa và thành phẩm	26.548.182	-
Doanh thu cho thuê tài sản	1.743.176.172	1.435.936.905
Bán khác	79.947.280	169.168.755
Bán tài sản cố định	209.025.000	-
Mua công cụ, dụng cụ	-	4.281.261.820
Chiết khấu thương mại	21.586.238.060	1.859.005.500
Hàng bán bị trả lại	4.397.761.645	3.062.017.304
Giảm giá hàng bán	-	154.727.273
Phí vận chuyển	34.900.781.902	29.610.047.054
Thuê hoạt động	5.817.436.362	314.053.742
<b>Công ty TNHH Một Thành Viên Đầu tư Hoa Sen Nghệ An</b>		
Phí vận chuyển	24.525.883.902	18.055.517.478
Doanh thu cho thuê tài sản	108.000.000	108.000.000
<b>Các bên liên quan khác</b>		
<b>Thành viên Ban Tổng Giám đốc</b>		
Tiền lương và thưởng	22.794.668.814	6.549.158.313
<b>Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát</b>		
Thù lao và thưởng	22.270.000.000	1.170.000.000

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoa Sen và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc**  
**ngày 31 tháng 3 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09a – DN/HN**  
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**42. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư**

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	31/3/2021	31/3/2020
	VND	VND
Mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang chưa thanh toán	32.194.223.576	68.698.351.911

**43. Thông tin so sánh**

Thông tin so sánh được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2020 và trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2020.

Ngày 17 tháng 5 năm 2021

Người lập



Nguyễn Thị Thanh Tuyền  
Kế toán

Người duyệt



Nguyễn Thị Ngọc Lan  
Kế toán trưởng



Trần Quốc Trí  
Tổng Giám đốc

